

CÔNG TY ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
XỔ SỐ KIẾN THIẾT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 124 /NQ- HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận
và sử dụng các quỹ năm 2012

Căn cứ Quy chế quản lý tài chính Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 135/QĐ-HĐTV ngày 20 tháng 05 năm 2015 của Hội đồng thành viên HFIC;

Căn cứ Nghị quyết số 196/NQ – HĐTV ngày 18/01/2016 của Hội đồng thành viên Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM về Báo cáo tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2012 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP.Hồ Chí Minh.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Phê duyệt Báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ năm 2012 của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP.Hồ Chí Minh (Đính kèm Phụ lục).

Điều 2: Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết TP.Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc trích lập, sử dụng các loại quỹ của Công ty theo Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Công ty HFIC (Để báo cáo)
- Hội đồng thành viên
- Ban Tổng Giám đốc
- Kiểm soát viên
- Phòng Kế toán Tài vụ
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Dũng



PHỤ LỤC
SƠ LƯỢC BÁO CÁO TÀI CHÍNH, PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN
VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2012 CỦA CÔNG TY TNHH MTV
XÃ SỐ KIẾN THIẾT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

I. Báo cáo tài chính năm 2012, cụ thể :

A. TÀI SẢN VÀ VỐN:	SỐ LIỆU
1. Các khoản phải thu ngắn hạn	307.058.096.899
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	
2. Hàng tồn kho	12.217.664.404
- Hàng tồn kho	12.217.664.404
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	
3. Các khoản phải thu dài hạn	5.000.000
- Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	
4. Tài sản cố định	105.948.264.075
a) Tài sản cố định hữu hình	33.739.654.186
- Nguyên giá	77.625.169.009
- Giá trị hao mòn lũy kế (không bao gồm BĐS đầu tư)	-43.885.514.823
b) Tài sản cố định thuê tài chính	
- Nguyên giá	
- Giá trị hao mòn lũy kế	
c) Tài sản cố định vô hình	1.595.826.975
- Nguyên giá	3.821.979.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	-2.226.152.741
d) Chi phí xây dựng dở dang	70.612.782.914
5. Bất động sản đầu tư	
- Nguyên giá	
- Giá trị hao mòn lũy kế	
6. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	33.499.682.950
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	
7. Nợ ngắn hạn	685.987.303.824
Trong đó: - Dự phòng phải trả ngắn hạn	
- Quỹ khen thưởng phúc lợi	10.678.804.584
- Quỹ thưởng ban điều hành	435.100.000
8. Nợ dài hạn	
- Dự phòng phải trả dài hạn	
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	
9. Vốn chủ sở hữu	1.308.957.644.845
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	783.504.000.000
- Vốn khác của chủ sở hữu	
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	
- Quỹ đầu tư phát triển	329.702.177.118
- Quỹ dự phòng tài chính	195.751.467.727

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	
- Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	
10. Nguồn kinh phí và quỹ khác	
- Nguồn kinh phí	
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	
B. KẾT QUẢ KINH DOANH:	
1. Tổng doanh thu và các khoản thu nhập	4.632.572.928.937
2. Tổng lãi phát sinh trong kỳ	721.470.977.380
- Lãi sản xuất kinh doanh	721.470.977.380
3. Thuế TNDN phải nộp	180.358.855.099
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	541.112.122.281
C. QUAN HỆ VỚI NGÂN SÁCH:	
1. Các khoản phải nộp ngân sách nhà nước	
-Số năm trước chuyển qua: Thừa (+), thiếu (-)	-338.773.937.556
+ Trong đó: Thuế các loại	-338.773.937.556
-Phát sinh phải nộp trong năm	1.747.619.671.409
+ Trong đó: Thuế các loại	1.747.619.671.409
-Đã nộp trong năm	1.726.982.878.601
+ Trong đó: Thuế các loại	1.726.982.878.601
-Số chuyển sang năm sau: Thừa (+), thiếu (-)	-359.410.730.364
+ Trong đó: Thuế các loại	-359.410.730.364
2. Các khoản được ngân sách cấp	

II. Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế:

- Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN :	541.112.122.281 đồng
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển :	162.333.636.685 đồng
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành:	200.000.000 đồng
- Trích Quỹ khen thưởng và phúc lợi	11.728.483.873 đồng
- Nộp thu tài chính sau thuế TNDN vào ngân sách nhà nước :	366.850.001.723 đồng

III. Trích lập và sử dụng các quỹ:

S T T	Nội dung	Đầu kỳ	Số trích	Số sử dụng	Cuối kỳ
1	Quỹ Đầu tư phát triển	167.023.636.492	162.333.636.685	0	329.702.177.118
2	Quỹ thưởng Ban điều hành	235.100.000	200.000.000	0	435.100.000
3	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.908.402.175	11.728.483.873	9.958.081.464	10.678.804.584